

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **439/2018/DS-ST**;

Ngày: 19/11/2018;

*V/v tranh chấp “Hợp đồng
mua bán tài sản”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Xuân**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Giang**

2. Bà **Nguyễn Thị Thùy Trang**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thủy Uyên**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:
Bà **Đinh Thị Tuyết Hằng** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 312/2018/TLST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 249/2018/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 493/2018/QĐST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **VÕ THỊ THANH T** – sinh năm 1966.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* **PHẠM THỊ TUYẾT M** – sinh năm 1973.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị T và chị M có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Võ Thị Thanh T trình bày:

Từ năm 2016 chị Phạm Thị Tuyết M có mua thức ăn gia cầm của chị để nuôi chim cút, hai bên không có ký hợp đồng nhưng có thỏa thuận miệng là chị

giao thức ăn trước, mỗi đợt bán chim cút thì chị M sẽ trả tiền cho chị, chị và chị M trực tiếp giao dịch với nhau. Thời gian mua thức ăn từ ngày 15/12/2016 đến ngày 11/6/2018 tổng kết nợ thì chị M còn nợ chị số tiền 153.985.000 đồng, sau đó chị không giao thức ăn cho chị M nữa và phía chị M cũng không trả cho chị khoản tiền nào.

Nay chị khởi kiện yêu cầu chị Phạm Thị Tuyết M có nghĩa vụ trả cho chị số tiền 153.985.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại biên bản ghi lời khai, bị đơn chị Phạm Thị Tuyết M trình bày:

Chị có mua thức ăn chăn nuôi gia cầm của chị Võ Thị Thanh T nhưng do chăn nuôi thua lỗ không có tiền trả cho chị T, hiện chị không nhớ là nợ chị T số tiền bao nhiêu. Chữ ký trong sổ mua bán trống kết lại số tiền 153.985.000 đồng là do chị ký tên, nay chị T yêu cầu chị trả số tiền 153.985.000 đồng chị không có khả năng trả, chị xin trả từ từ không cụ thể trả số tiền mỗi tháng bao nhiêu.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Thanh T về việc yêu cầu chị Phạm Thị Tuyết M trả số tiền 153.985.000 đồng.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định quan hệ mà các bên đang tranh chấp là “ Hợp đồng mua bán tài sản”.

[1] Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Thanh T, Hội đồng xét xử xét thấy: Từ năm 2016 chị Tâm có bán thức ăn gia cầm cho chị M để nuôi chim cút, hai bên không có ký hợp đồng nhưng có thỏa thuận miệng là chị T giao thức ăn trước, mỗi đợt bán chim cút thì chị M sẽ trả tiền cho chị T. Hai bên trực tiếp giao dịch đến ngày 11/6/2018 tổng kết nợ thì chị M còn nợ chị T số tiền 153.985.000 đồng nên chị T khởi kiện yêu cầu chị M trả số tiền 153.985.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình chị T có cung cấp cho Tòa án sổ mua bán có chữ ký xác nhận nợ của chị Mai, tại biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa phía chị M cũng thừa nhận chữ ký trong sổ mua bán là do chị M ký nhận nợ. Do đó, có đủ cơ sở xác định giữa chị T và chị M đã xác lập một hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật dân sự. Hai bên đã không còn giao dịch mua bán nữa và từ ngày 11/6/2018 cho đến nay chị M không trả cho chị T khoản tiền nào là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Hội đồng xét

xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, buộc chị M trả cho chị T số tiền 153.985.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự.

Đối với yêu cầu tính lãi: Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu chị N trả tiền lãi.

Về thời gian trả: xét việc chị M xin trả từ từ không cụ thể trả số tiền mỗi tháng bao nhiêu đối với số tiền 153.985.000 đồng không được phía chị T đồng ý và việc chị M nợ tiền chị T làm ảnh hưởng đến quyền lợi của chị T, nên Hội đồng xét xử buộc chị M trả cho chị T số tiền 153.985.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Do yêu cầu của chị Võ Thị Thanh T được Hội đồng xét xử chấp nhận nên chị Phạm Thị Tuyết M phải chịu án phí theo quy định.

[2] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Thanh T.

Buộc chị Phạm Thị Tuyết M có nghĩa vụ trả cho chị Võ Thị Thanh T số tiền 153.985.000 đồng (*Một trăm năm mươi ba triệu chín trăm tám mươi lăm ngàn đồng*). Thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Võ Thị Thanh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Phạm Thị Tuyết M không trả số tiền trên thì hàng tháng chị M phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Chị Phạm Thị Tuyết M phải chịu 7.699.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị Võ Thị Thanh T 3.850.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0015007 ngày 14/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Báo nguyên đơn và bị đơn có mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG ;
- VKSND huyện C;
- CC THADS huyện C;
- TAND tỉnh TG;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Xuân

